

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 375/2023/HNGĐ-ST
Ngày : 07-7-2023
Về việc “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Yên Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Trương Thị Thu Thủy.

- Ông Nguyễn Thanh Tiền.

- **Thư ký phiên toà:** Bà Lê Thị Tuyết Mai – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên toà:** Ông Huỳnh Hoàng Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 02/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 275/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Tr V M, sinh năm 1973. Địa chỉ: Tổ 25, ấp BC, xã BL, huyện CP, tỉnh AG. Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Tr T K Ch, sinh năm 1980. Địa chỉ: Tổ 02, ấp BCh, xã BiL, huyện CP, tỉnh AG. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện; bản tự khai cùng đề ngày 14/12/2022 và quá trình tố tụng nguyên đơn Ông Tr V M trình bày như sau:

Ông và bà Tr T K Ch quen biết nhau, tự tìm hiểu nhau và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới, hôn nhân không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống vợ chồng có xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, mặc dù đã nhiều lần hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả, từ năm 2010 cho đến nay không còn chung sống với nhau đến nay. Nay nhận thấy cuộc sống

vợ chồng không còn hạnh phúc nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Tr T K Ch.

Về con chung: Trong thời gian sống chung có 03 (ba) con tên: Trần Thị Cẩm Nhung, sinh ngày 03/01/2000; Trần Thị Nhớ, sinh ngày 24/9/2004 và Trần Văn Ý, sinh ngày 03/5/2006. Hiện con chung tên Cẩm Nhung, Nhớ đã thành niên, có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, đối với con chung tên Trần Văn Ý hiện đang sống với bà Ch, ông M đồng ý giao con chung tên Ý cho bà Ch trực tiếp nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án: Bị đơn bà Tr T K Ch được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án để tham gia các quá trình tố tụng của Tòa án theo quy định pháp luật, cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ông Tr V M.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn Ông Tr V M: Vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.
- Bị đơn bà Tr T K Ch: Vắng mặt tại phiên tòa.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Thẩm phán được công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với người tham gia tố tụng: Các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Ông M và bà Ch chung sống không có đăng ký kết hôn là không tuân theo quy định pháp luật. Nhận thấy, theo xác minh tại địa phương giữa ông M và bà Ch thực tế có mâu thuẫn, có thời gian ly thân điều này cho thấy cuộc sống vợ chồng giữa ông M, bà Ch có mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của ông là có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông M, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Tr V M và bà Trần Thị Kim Ch.

Về con chung: Thời gian chung sống, giữa ông M, bà Ch có 03 (ba) con tên: Trần Thị Cẩm Nhung, sinh ngày 03/01/2000; Trần Thị Nhớ, sinh ngày 24/9/2004 và Trần Văn Ý, sinh ngày 03/5/2006 hiện con chung tên Nhung, Nhớ đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; con chung chưa thành niên tên Ý hiện đang sống cùng bà Ch, ông M đồng ý giao con chung tên Ý cho

bà Ch trực tiếp nuôi và ông không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy yêu cầu này là có căn cứ đề nghị chấp nhận.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định pháp luật. Về án phí: Đề nghị xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện chung sống nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cả hai đều mong muốn chấm dứt quan hệ vợ chồng. Nay nguyên đơn có yêu cầu ly hôn với bị đơn thì đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn bà Tr T K Ch có địa chỉ tại Ấp Bình Châu, xã Bình Long, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về sự vắng mặt, có mặt của đương sự: Bị đơn bà Tr T K Ch đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do, không vì sự kiện bất khả kháng, trở ngại khách quan và không có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp quy định pháp luật tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn Ông Tr V M

Theo lời trình bày của ông M: Giữa nguyên đơn và bị đơn tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, không có đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, tuy nhiên sau đó phát sinh mâu thuẫn vì bà Ch và ông M thường xuyên bất đồng quan điểm sống, bà Ch bỏ về nhà cha mẹ bà Ch sống, từ năm 2010 đến nay hai bên đã ly thân đến nay không còn chung sống với nhau nữa. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xác minh nguyên nhân mâu thuẫn, địa phương cung cấp thông tin vợ chồng ông M, bà Ch thực tế có mâu thuẫn, kéo dài, các bên đã có thời gian ly thân đã lâu. Hơn nữa, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, bà Tr T K Ch biết được việc ông M yêu cầu ly hôn, nhưng không đến Tòa án tham gia hòa giải để vợ chồng có cơ hội đoàn tụ, bà Ch không còn chung sống

với ông M nhiều năm nay, điều này chứng tỏ vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 9, khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông M và bà Ch.

[2.2] *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con:* Trong thời kỳ hôn nhân giữa ông M, bà Ch có 03 (ba) con tên: Trần Thị Cẩm Nhung, sinh ngày 03/01/2000; Trần Thị Nhớ, sinh ngày 24/9/2004 và Trần Văn Ý, sinh ngày 03/5/2006 hiện con chung tên Nhung, Nhớ đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét; về con chung chưa thành niên tên Trần Văn Ý hiện đang sống cùng bà Ch, ông M đồng ý giao con chung tên Ý cho bà Ch trực tiếp nuôi, do bà Ch không có ý kiến gì về việc cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Hội đồng xét xử chấp nhận, giao con chung tên Trần Như Ý, sinh ngày 03/5/2006 cho bà Ch trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, đúng quy định pháp luật.

[2.3] *Về tài sản chung và nợ chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[3] Về án phí: Tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: *“Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải nộp án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn”*. Do đó, ông M phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 51, Điều 53, Điều 54 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận Ông Tr V M và bà Tr T K Ch là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao con chung tên Trần Văn Ý, sinh ngày 03/5/2006 cho bà Tr T K Ch trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà Tr T K Ch cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở Ông Tr V M trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại

khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Tr V M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0005151/TU/2022 ngày 05 tháng 01 năm 2023 của Ch cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

6. Về quyền kháng cáo: Ông Tr V M, bà Tr T K Ch vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Châu Phú;
- Ch Cục THA DS Châu Phú;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Yến Anh